

Số: 105 /BC-UBND

Đức Thuận, ngày 5 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023  
và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024**

**PHẦN THỨ NHẤT**

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023**

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND phường Đức Thuận khoá XXII, kỳ họp thứ 5 về phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách và kế hoạch chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho phường Đức Thuận; Cùng với các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 đạt kết quả như sau:

**I. THU NGÂN SÁCH:**

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 33.167.629.952 đồng/19.004.000.000 đồng, đạt 174,53% KH năm và bằng 143,89% (33.167.629.952 đồng/23.049.770.864 đồng) so với cùng kỳ.

2. Thu ngân sách phường hưởng ước đạt: 24.286.861.478 đồng /2.948.000.000 đồng, đạt 823,84% KH và bằng 131,85% (24.286.861.478 đồng/18.418.893.281 đồng) so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Thu hưởng 100% ước đạt: 667.248.944 đồng/779.000.000 đồng = 85,65% so với KH.

- Thu hưởng tỷ lệ % ước đạt: 2.318.724.948 đồng/2.169.000.000 đồng = 106,9% so với KH.

- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước: 573.437.000 đồng

- Thu trợ cấp cân đối ngân sách ước đạt: 20.283.338.900 đồng

- Thu kết dư ngân sách: 444.111.686 đồng

**3. Thu tài chính:**

Tổng thu: 35.415.000 đồng.

**II. CHI NGÂN SÁCH:**

1. Tổng chi ngân sách NN ước đạt 21.544.749.305/7.183.000.000, đạt 299,94% so với KH và bằng 126,43% (21.544.749.305/17.040.441.760) so với cùng kỳ.

Trong đó:



- Chi thường xuyên ước đạt 114,05% (6.139.425.429/5.383.000.000),
- Chi đầu tư ước đạt 855,85% (15.405.323.876/1.800.000.000 đồng)% so với kế hoạch.

2. Chi tài chính: 23.342.000 đồng.

### **III. Tồn quỹ ước đạt: 2.742.112.173 đồng**

Trong đó:

Ước Kết dư: 2.400.000.000 đồng

Ước chi chuyển nguồn ngân sách: 342.112.173.000 đ

Tồn quỹ tài chính: 12.073.000 đ

### **IV. Một số ưu điểm, tồn tại và hạn chế trong công tác thu, chi ngân sách phường năm 2023:**

#### **1. Về ưu điểm:**

Được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành cấp trên, đặc biệt là Thị ủy, HĐND, UBND thị xã Hồng Lĩnh, các phòng ban liên quan, cùng với sự nỗ lực của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, ban ngành đoàn thể, ban công tác mặt trận, tổ trưởng các TDP, hội đồng tư vấn thuế đã tập trung cao trong việc khai thác các nguồn thu trên địa bàn, được sự đồng tình ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, các hộ gia đình thực hiện các nghĩa vụ về đóng nộp các khoản đối với nhà nước cũng như địa phương. Bên cạnh đó chấp hành tốt việc điều hành chi ngân sách cơ bản sát đúng với tình hình thực tế nhiệm vụ chi của địa phương, linh hoạt đảm bảo các công việc, chi đúng chế độ tài chính hiện hành, do đó trong năm 2023 triển khai thu các khoản thu cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, mọi nhiệm vụ chi ngân sách cơ bản đáp ứng kịp thời cho các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các chế độ, chính sách theo quy định của nhà nước, đảm bảo cho hoạt động chi thường xuyên quản lý nhà nước, Đảng, mặt trận và các tổ chức, đoàn thể nhằm phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo Quốc phòng - an ninh của địa phương.

#### **2. Về tồn tại hạn chế:**

##### **2.1. Thu ngân sách:**

Nguồn thu ngày càng hạn hẹp, manh mún không ổn định, chủ yếu dựa vào ngân sách cấp trên, bên cạnh đó trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp để khai thác các nguồn thu trên địa bàn còn thiếu đồng bộ, ý thức chấp hành của một số đối tượng đóng nộp có lúc chưa cao, chưa kịp thời, bộ phận tài chính chưa năng động, sáng tạo và tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền về khai thác và nuôi dưỡng các nguồn thu mới, nguồn thu chủ yếu dựa vào trợ ngân sách cấp trên.

##### **2.2. Chi ngân sách:**



Do nguồn thu hạn hẹp, không ổn định nên việc bố trí một số nhiệm vụ chi ngân sách chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, trong lúc đó nhiệm vụ chi ngày càng phải đảm bảo, mặt khác có một số khoản chi phát sinh đột xuất ngoài dự toán nhưng cũng phải thực hiện, do đó trong quá trình chi ngân sách còn phải điều chỉnh, bổ sung dẫn đến điều hành ngân sách gặp nhiều khó khăn.

## PHẦN THỨ HAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

### I. THU NGÂN SÁCH:

1. Thu NS Nhà nước: 20.166.000.000 đồng
2. Thu ngân sách phường hưởng: 3.618.000.000 đồng
3. Bổ sung từ ngân sách thị xã: 5.699.734.000 đồng
4. Thu tài chính: 35.000.000 đồng

### II. CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách đạt: 9.317.734.000 đồng.

1. Chi thường xuyên: 6.161.980.000 đồng
2. Chi đầu tư: 3.000.000.000 đồng
3. Dự phòng ngân sách: 155.754.000 đồng
4. Chi tài chính: 35.000.000 đồng

*(Có phụ lục kèm theo)*

### III. Kế hoạch chi đầu tư xây dựng năm 2024:

#### 1. Tổng số: 3.000.000.000 đồng

- 1.1. Thảm nhựa các tuyến đường: 1.400.000.000 đồng
- 1.2. Vía hè đường Ngọc Sơn: 1.000.000.000 đồng.
- 1.3. Tuyến đường bất khả kháng: 300.000.000 đồng.
- 1.4. Điện chiếu sáng đô thị: 200.000.000 đồng.
- 1.5. Hỗ trợ công trình vệ sinh hộ gia đình 3 sạch: 100.000.000 đồng

Trên đây là báo cáo thuyết minh ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách phường năm 2023, dự toán thu chi ngân sách năm 2024.

#### **Nơi nhận:**

- TTr HĐND thị xã; (báo cáo)
- TTr HĐND, MTTQ phường;
- Chủ tịch, PCT UBND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Thành**



**THÔNG BÁO**

**Niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024, thuyết minh ngân sách và hoạt động tài chính khác phường năm 2023 trình hội đồng nhân dân phường khóa XXII – kỳ họp thứ 7**

Thực hiện thông tư 343 /2016/TT/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND phường Đức Thuận niêm yết công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2024 và thuyết minh ngân sách, hoạt động tài chính khác phường năm 2023 (Có dự toán chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết công khai từ ngày 22/12/2023 đến ngày 23/1/2024

Địa điểm niêm yết công khai: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

Trên đây là nội dung niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 và thuyết minh ngân sách, hoạt động tài chính khác phường năm 2023 của UBND phường Đức Thuận trước kỳ họp.

Vậy, UBND phường Đức Thuận công khai để toàn thể các vị đại biểu HĐND phường biết, ai có ý kiến, kiến nghị xin vui lòng đóng góp về bà Nguyễn Thị Ngọc Thu - kế toán ngân sách phường ( số điện thoại 0969214267), để UBND phường điều chỉnh nhằm hoàn thiện dự toán thu chi ngân sách năm 2024 và thuyết minh ngân sách, hoạt động tài chính khác phường năm 2023 theo quy định của Pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy; LĐ UBND;
- Bộ phận 1 cửa;
- Tổ dân phố;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
**Lê Hồng Thành**



**BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**  
(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
<b>Tổng số thu</b>	<b>9.317.734</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>9.317.734</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	29.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	3.589.000	II. Chi thường xuyên	6.161.980
III. Thu bổ sung	5.699.734	III. Dự phòng	155.754
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.699.734		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



# TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<b>Tổng số thu</b>	<b>33.167.630</b>	<b>24.286.861</b>	<b>20.166.000</b>	<b>3.618.000</b>	<b>60,80</b>	<b>14,90</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>738.972</b>	<b>667.249</b>	<b>29.000</b>	<b>29.000</b>	<b>3,92</b>	<b>4,35</b>
1. Phí, lệ phí	21.977	21.677	25.000	25.000	113,76	115,33
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	608.479	608.479	4.000	4.000	0,66	0,66
Thu từ quỹ đất công ích	608.479	608.479	4.000	4.000	0,66	0,66
Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	72.516	1.093			0,00	
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	36.000	36.000			0,00	0,00
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>11.127.770</b>	<b>2.318.725</b>	<b>20.137.000</b>	<b>3.589.000</b>	<b>180,96</b>	<b>154,78</b>
1. Các khoản thu phân chia	655.200	553.288	1.954.000	544.000	298,23	98,32
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	305.151	305.107	300.000	300.000	98,31	98,33
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	45.500	8.600	154.000	4.000	338,46	46,51
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	304.549	239.581	1.500.000	240.000	492,53	100,17
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	10.472.570	1.765.437	18.183.000	3.045.000	173,63	172,48
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	394.380		835.000		211,72	
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	884.992	78.424	1.212.000	45.000	136,95	57,38
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.291	1.209			0,00	0,00
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	605.989	1.020	690.000		113,86	0,00
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
Thu cấp quyền sử dụng đất	8.423.919	1.684.784			0,00	0,00
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>	<b>573.437</b>	<b>573.437</b>				<b>0,00</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>444.112</b>	<b>444.112</b>				<b>0,00</b>
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>20.283.339</b>	<b>20.283.339</b>				
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.685.000	4.685.000				
2. Bổ sung có mục tiêu	15.598.339	15.598.339				



## TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán năm 2023				Dự toán năm 2024				So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX		
Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4	
<b>Tổng số chi</b>	<b>7.183.000</b>	<b>1.800.000</b>	<b>5.383.000</b>	<b>9.317.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>6.317.000</b>	<b>129.71</b>	<b>166,67</b>	<b>117,35</b>		
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	320.080		320.080	513.040		513.040	160,28		160,28		
1.1. Chi dân quân tự vệ	291.080		291.080	487.540		487.540	167,49		167,49		
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	29.000		29.000	25.500		25.500	87,93		87,93		
2. Chi giáo dục	200.000	200.000		0	0		0,00				
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0							
4. Chi y tế	10.000		10.000	18.500		18.500	185,00		185,00		
5. Chi văn hóa, thông tin	400.000	400.000		0			0,00				
6. Chi phát thanh, truyền thanh	30.000		30.000	50.000		50.000	166,67		166,67		
7. Chi thể dục, thể thao	70.000		70.000	60.000		60.000	85,71		85,71		
8. Chi bảo vệ môi trường				0							
9. Chi các hoạt động kinh tế	216.000	200.000	16.000	75.000		75.000	34,72	0,00	468,75		
9.1. Giao thông											
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản											
9.3. Thị chính	216.000	200.000	16.000	3.000.000	3.000.000		1388,89	1500,00	0,00		
9.4. Thương mại, du lịch											
9.5. Các hoạt động kinh tế khác											
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.603.470	1.000.000	4.603.470	5.264.550		5.264.550	93,95	0,00	114,36		
Chi cải cách tiền lương											
Trong đó: Quỹ lương											
10.1. Quản lý Nhà nước	4.290.624	1.000.000	3.290.624	3.777.484		3.777.484	88,04	0,00	114,80		



Nội dung	Dự toán năm 2023				Dự toán năm 2024				So sánh (%)	
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	
	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4	
1										
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	512.303		512.303	614.800		614.800	120,01		120,01	
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	223.552		223.552	286.097		286.097	127,98		127,98	
10.4. Đoàn Thanh niên Công sản HCM	101.789		101.789	140.480		140.480	138,01		138,01	
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	150.744		150.744	167.429		167.429	111,07		111,07	
10.6. Hội Cựu chiến binh	141.891		141.891	125.780		125.780	88,65		88,65	
10.7. Hội Nông dân	147.567		147.567	115.480		115.480	78,26		78,26	
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	35.000		35.000	37.000		37.000	105,71		105,71	
. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể										
11. Chi cho công tác xã hội	196.450		196.450	180.156		180.156	91,71		91,71	
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	175.011		175.011	147.744		147.744	84,42		84,42	
11.2. Trê mồ côi, người già không nơi nương tựa										
11.3. Trợ cấp xã hội	10.000		10.000	10.000		10.000	100,00		100,00	
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	11.439		11.439	12.412		12.412	108,51		108,51	
11.5. Khác										
. Chi khác										
12. Chi khác										
. Chi khác										
13. Dự phòng	137.000		137.000	155.754		155.754	113,69		113,69	
. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau										
. Nộp trả ngân sách cấp trên										







**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024**  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2024			Kế hoạch năm 2025		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
<b>Tổng số</b>	35.000	35.000	0			
<b>Hoạt động quỹ công chuyên dùng</b>	35.000	35.000	0			
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	7.500	7.500	0			
- Quỹ bảo trợ trẻ em	4.500	4.500	0			
- Quỹ phòng chống thiên tai	23.000	23.000	0			